

HOÀNG THỊ THO*
NGUYỄN NGỌC QUỲNH**

CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HINDU GIÁO

Tóm tắt: Có nhiều cách phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển của Hindu giáo, trong số đó có cách chia lịch sử hình thành và phát triển Hindu giáo thành ba giai đoạn ứng với ba tên gọi là: Veda giáo, Balamôn giáo và Hindu giáo, cách phân kỳ này góp phần làm rõ hơn sự tiếp nối, cách tân và đổi tên (ba trong một) của cùng một tôn giáo do những mục đích thần quyền hóa, giai cấp hóa hay dân tộc hóa trong mỗi giai đoạn.

Từ khóa: Veda giáo, Balamôn giáo, Hindu giáo, tôn giáo Ấn Độ.

Hầu hết các công trình nghiên cứu cũng như từ điển đều khẳng định Hindu giáo có lịch sử rất sớm ở Ấn Độ, như một tôn giáo sớm nhất của nhân loại. Song phân kỳ của nó có những sự chòng lỉnh về lịch sử, giáo lý, kinh điển với Veda giáo và Balamôn giáo. Qua tên gọi, có thể tạm chia lịch sử Hindu giáo làm 3 giai đoạn: Giai đoạn **Veda giáo** (khoảng 1500 năm - 500 năm TCN); Giai đoạn **Balamôn giáo** (khoảng 500 năm TCN - 500 năm CN); Giai đoạn **Hindu giáo** (500 năm CN - 1500 năm CN)¹. Tuy có nhiều cách phân kỳ khác, song cách phân kỳ này có thể góp phần làm rõ hơn các tên gọi đó là sự tiếp nối, cách tân và đổi tên (ba trong một) của cùng một tôn giáo do những mục đích thần quyền hóa, giai cấp hóa hay dân tộc hóa trong mỗi giai đoạn đặc trưng của nó.

1. Giai đoạn Veda giáo (Vedic religion)

Thời kỳ Veda, kéo dài khoảng từ giữa thiên niên kỷ II đến thế kỷ IV TCN, nhưng cũng có ý kiến đẩy lên sớm hơn tới khoảng 2500 - 1500 năm TCN². Veda giáo là tôn giáo khởi nguyên của tộc người Dravidian ở Ấn Độ. Kinh điển của Veda giáo là bộ *Kinh Veda*, gồm 4 tập hợp các bài thánh ca hay thần chú cổ, nên còn gọi là *Tứ Veda*, và cổ nhất trong đó là *Rig Veda* (*Lê Câu Vê Đa*)³. *Rig Veda* gồm 1.028 bài thánh ca và 10.600 câu thơ, được sắp xếp thành mười tập (Mandalas)⁴ ngợi ca các thần, thể hiện khát vọng tâm linh, song đó cũng chính là những tri thức đầu tiên của người Ấn Độ cổ về tự nhiên và xã hội qua ngôn ngữ tâm linh, được tin là

* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

do thiên khải hay mặc khải bởi thần thánh chứ không phải do con người sáng tạo ra. Tiếng Sanskrit của *Veda* cổ nhất này đã trở thành một nhân tố mang bản sắc truyền thống quan trọng góp phần tạo nên sự thống nhất văn hóa Ấn Độ từ rất sớm.

Từ *Veda* gồm: *Rig Veda* (Thánh ca thọ minh) là sổ tay hướng dẫn sử dụng thánh ca, nghi thức tế lễ, cầu nguyện, thần chú trong các lễ hiến tế; *Sāma Veda* (Thánh ca bình minh) là các tán ca; *Yajur Veda* (Thánh ca tự minh) tán ca trích từ *Sama Veda* để sử dụng cho lễ hiến tế thần; và *Atharva Veda* (Thánh ca thuật minh) gồm thuật chú, bùa phép. Mỗi *Veda* lại gồm 4 phần: *Mantras* (Thần chú thư), *Brāhmana* (Phạm thư, còn gọi là *Tế nghi thư*), *Āraṇyakas* (Sân lâm thư, còn gọi là *A lan nhĩ thư*), và *Upaniṣads* (Áo nghĩa thư). Như vậy, kinh *Veda* và *Upanishad* có tính liên tục và được gọi gộp thành *Veda-Upanishad* như bảng hệ thống kinh điển *Veda- Upanishad* dưới đây.

Hệ thống kinh điển Veda - Upanishad

<u>BRAHMANS</u>	<u>8 BRAHMANAS</u>	<u>4 ARANYAKAS</u>	<u>13 UPANISHADS</u>
<u>MANTRAS</u> (Gồm 4 SANHITAS)			
<i>RIG-VEDA</i>	AITAREYA KAUSHITAKI	AITAREYA 2. KAUSHITAKI	AITAREYA 2. KAUSHITAKI
<i>SAMA-VEDA</i>	3. TANGYAMADA 4. SADVINSI 5. JAIMINIYA	3. JAIMINIYA	3. <u>CHANDOGYA</u> KENA
<i>Trắng</i> <i>YAJUR-VEDA</i>	STAPTHA		5. <u>BRIHADARANYAKA</u> KENA
<i>Đen</i>	TANTTARIYA	4. TANTTARIYA	TANTTARIYA KATHABALLI SETACHWATARA
<i>ATHARVA-VEDA</i>	GOPATHA		PASHNA 11. <u>MUNDAKA</u> MAITRAYANI MANDUKYA

Veda giáo là tập hợp niềm tin tôn giáo đa thần của tộc người Dravidian bản địa ở lưu vực Sông Ấn, về thời kỳ văn hóa lưu vực Sông Ấn (Indus Valley Culture), nằm phía Tây bắc Ấn Độ, với đỉnh cao hưng thịnh khoảng 2500 - 1500 TCN⁵. Nhiều di vật về Veda giáo của thời kỳ này đã được tìm thấy ở hai địa điểm khảo cổ lớn: Mohenjodaro và Harappa.

Nghi lễ Veda giáo chủ yếu là cúng tế thần linh với nhiều lễ vật tế (rượu soma, bơ, sữa, ngũ cốc, đồ ăn dâng tế...) và nghi thức đọc tụng các

bài thánh ca thuộc *Tứ Veda* hay *Phạm thư* hoặc *Sân lâm thư*, kê tụng, ca vịnh, cầu đảo để cầu mong các thần thánh che chở và ban cho phước lộc. Nghi thức tế lễ này có xu hướng ngày càng nhấn mạnh sự thanh tịnh, không một chút sai sót trong các nghi thức tế lễ phức tạp, đòi hỏi một sự chuyên môn hóa cao, và đẳng cấp Balamôn lúc đó đã đáp ứng được. Mặt khác, tu sĩ Balamôn cũng cố gắng sửa đổi kinh điển gốc để loại các đẳng cấp khác ra khỏi việc thực hành tế tự cũng như nghiên cứu, tụng niệm *Kinh Veda* như một nghề. Theo đó, xếp số đông những người không thuộc gốc người Aryan vào các đẳng cấp dưới, hay vào đẳng cấp nô lệ (sūdra, còn gọi là Thủ đà la). Đồng thời giới Balamôn tự đồng nhất mình với đẳng Phạm Thiên để hợp pháp hóa vị thế thống trị tối cao của nó⁶. Dần dần tế tự trở thành đặc quyền của đẳng cấp Balamôn, chuẩn bị cho giai đoạn sau của Veda giáo - gọi là Balamôn giáo.

Tuy số lượng các thần của Veda giáo rất nhiều, song ngay từ đầu đã có xen lẫn quan niệm nhất thần với quan niệm đa thần. Chẳng hạn, trong kinh *Brhadaranyaka Upanishad* khi được hỏi có bao nhiêu thần, hiền triết Yajnavalkya đã trả lời nhiều cách: Lúc đầu là 303, rồi lại có thể là 3.003, song có lúc lại là 33, 6, 3, 2, 1½ và cuối cùng lại chỉ là 1 thần Brahma⁷. Ngoài ra, còn có nhiều vị là bán thần, như tổ tiên hay anh hùng cũng được tôn xưng và thờ cúng. Đặc biệt về biểu tượng, các thần không hoàn toàn tách biệt khác nhau, và chức năng tâm linh của các thần cũng có lúc chồng chéo lên nhau, không được phân định rõ ràng. Các thần đều được gọi là Deva, có nghĩa là “tỏa sáng”, “ánh sáng”, hàm nghĩa đề cao bản tính siêu nhiên và tốt lành của các vị thần, chẳng hạn như:

Thần Phạm Thiên - Brahma là Đấng Sáng Tạo toàn năng không chỉ của tất cả mọi yếu tố vật chất và tinh thần mà còn là đấng sáng tạo ra các thần và lèo lái cả vũ trụ. Ban đầu “Phạm Thiên” là một thuật ngữ được dùng để chỉ quyền năng linh thiêng trong buổi lễ hiến tế, nhưng về sau nó được dùng để chỉ quyền năng tuyệt đối đằng sau mọi sự sáng tạo. *Phạm Thiên* thường có hình tướng bốn đầu và bốn tay với vòng hoa trên ngực, cưỡi thiên nga có tên Hamsa, hoặc ngồi trên đài sen. Bốn tay thần cầm 4 pháp khí, trong đó có tay cầm cuốn *Kinh Veda*, và bình nước sông Hằng.

Thần Sấm Sét - Indra làm ra sấm và mưa, quyết định may rủi cho mùa màng, được thờ cúng ở hàng vạn thần miếu Veda giáo. Thần còn có quyền năng kiểm soát cả sự hỗn loạn và sự mờ ám. Trong thần thoại, thần Indra giết chết quỷ Vitrā, giải phóng các dòng sông trở lại tươi đẹp, hiền hòa cung cấp nước cho đồng ruộng. Thần Indra còn là vị thần chiến

thắng, che chở và đem lại may mắn cho các chiến binh. Biểu tượng vũ khí quyền năng của thần Indra là tia chớp, kim cương (vadja).

Thần Lửa - Agni bảo trợ cho nghệ thuật, đồng thời làm trung gian giữa thế giới của thần với thế giới của người. Thần Agni còn gắn liền với quyền năng ban phúc, lộc, thọ (tức sinh con nối dõi, sự thịnh vượng, sống lâu) cho con người trong lễ cưới và lễ tang. Biểu tượng của thần Agni khá đa dạng như: tia chớp, mặt trời trên bầu trời, song cũng rất gần gũi khi chỉ là tia lửa (arani) trong bếp của đời thường.

Thần Mặt Trăng - Soma là biểu tượng về sự phôi thai chuẩn bị cho sự tái sinh, sinh trưởng và nuôi dưỡng trong Veda giáo. Soma còn là tên gọi nguồn thức uống tinh khiết vĩnh hằng dùng để dâng cúng cho các vị thần linh khác trong các lễ tế⁸. Hình tượng về thần Soma là Mặt Trăng hoặc các hình tượng gắn với Mặt Trăng.

Thần Mặt Trời - Savitar là biểu tượng quyền năng của sức sống, sức sáng tạo vũ trụ. Hình tượng của thần Savitar là Mặt Trời với gam màu chủ đạo màu vàng: tay, chân, tóc, trang phục đều màu vàng và bằng vàng. Thần Savitar có nhiều tay dài vươn tới khắp mọi nơi trong bầu trời và thức tỉnh mọi sinh thể.

Thần Không Trung - Varuna bảo vệ luật Rita (luật toàn năng của vũ trụ)⁹. Thần có muôn vạn mắt, quan sát hết mọi sự vận hành của vũ trụ và mọi chuyện xảy ra trong tam giới để nghiêm khắc trừng phạt thói hư tật xấu cũng như ban thưởng cho việc thiện lành.

Toàn bộ kinh sách, hệ thống thần thánh căn bản của Veda giáo gần như được bảo tồn và tiếp tục phát triển trong các giai đoạn Balamôn giáo và Hindu giáo.

2. Giai đoạn Balamôn giáo (Brahmanism)

Balamôn giáo là sự tiếp tục Veda giáo cổ, vào khoảng 500 TCN - 500 năm CN¹⁰. Tín đồ của Balamôn giáo chủ yếu là những người gốc Aryan vốn sống bán du mục ở phía Bắc du nhập nhiều đợt vào miền Tây và Tây bắc Ấn Độ trong khoảng thời gian dài 1700 - 1200 TCN và trở thành kẻ thống trị vùng văn hóa này. Danh từ Balamôn ban đầu có nghĩa chỉ hạng người quý tộc, giáo sĩ Balamôn hay học giả, song trong thể chế nhà nước - tôn giáo có giai cấp, đẳng cấp Balamôn dần trở thành giai cấp thống trị cao nhất và Veda giáo đã được giai cấp hóa, trở thành Balamôn giáo có tổ chức giáo hội với quyền lực tối cao trên cả nhà nước (nhà vua và triều đình). Cũng do vậy, Balamôn giáo trở thành vũ khí thần quyền để bảo vệ

sự bất bình đẳng giai cấp mà quyền lợi tối cao thuộc về đẳng cấp Bàlamôn. Trong bối cảnh đó, Bàlamôn giáo đã là một tôn giáo thần quyền của riêng đẳng cấp Bàlamôn trong một thời kỳ dài.

Bàlamôn giáo phát triển khuynh hướng nhất thần. Trước hết là quan niệm các thần không giữ vị trí của mình một cách riêng biệt, mà mỗi thần lại là sự thể hiện cái tuyệt đối một cách toàn diện bao gồm cả các thần khác, nhưng không có sự xung đột hoặc loại trừ giữa các vị thần. Các thần vĩ đại nhất luôn trong mối tương tác với các vị thần khác. Chẳng hạn, vai trò, vị trí của thần Brahma (Đại Thiên/Phạm Thiên/Đấng Tuyệt đối) là cao nhất, song nhiều khi cũng có thay đổi thành thần Shiva hoặc thần Visnu là cao nhất. Sang giai đoạn Bàlamôn giáo, thần Brahman được phối hợp cùng với các thần Vishnu, Shiva hợp thành bộ ba gọi là Trimurti (Tam vị nhất thể: thần Brahma sáng tạo, thần Shiva phá hoại và thần Visnu bảo vệ). Song đó chỉ là ba phương diện của Đấng tuyệt đối, có tính toàn thể. Ba vị thần này cùng phối hợp để sự sống, sáng tạo và phát triển không ngừng tiếp diễn qua các chu kỳ. Cuối mỗi chu kỳ phát triển, thần Shiva lại tiêu diệt thế giới cũ, còn đấng Phạm Thiên (Brahma) lại tạo ra thế giới mới. Khi vào chu kỳ chuyển đổi này, con người gặp vô vàn khó khăn không thể tự giải quyết và thần Vishnu xuất hiện như một con người hay dưới một hình thức nào đó, dùng thần thông đặc biệt, đem đến sự giúp đỡ cần thiết cho loài người.

Bàlamôn giáo cho rằng đấng Brahma sáng tạo và bảo tồn vũ trụ, vạn vật và cả con người trong chế độ đẳng cấp (*varṇa*). Đấng Brahma đã được tôn xưng cao nhất trong triết học Vedānta sau này, tuy nhiên tư tưởng này đã có mầm mống từ trong *Rig Veda*, song chỉ đến giai đoạn Bàlamôn giáo mới có quan niệm đấng Brahma vĩ đại như một nguyên lý tối thượng, chi phối sức mạnh thần bí của tất cả các vị thần khác. Đáng chú ý là Bàlamôn giáo quan niệm rằng con người do bị ràng buộc trong vòng ngu dốt (vô minh) và huyễn ảo (vô thường) nên tạo nhiều nghiệp quả, vì vậy phải chịu luân hồi (*samsara*). Nhưng con người vẫn có khả năng thoát khỏi luân hồi, nghiệp báo bằng con đường tu luyện để trở lại hòa nhập với đấng Brahma bằng đạo đức, nghi lễ, tế tự thành kính. Bàlamôn giáo có niềm tin rằng “Ai biết chính mình sẽ biết Thượng Đế”. Như vậy, Bàlamôn giáo khẳng định con người có thể biết Phạm Thiên (Tuyệt đối) chỉ bằng con đường trở về tự hiểu chính mình. Hướng phát triển này đã góp phần phân loại các thần theo thứ tự, mà cao nhất vẫn là thần Brahma, đồng thời làm cho lễ tế trở nên có giá trị như là một thể

thức có thể làm thay đổi nghiệp quả. Song mặt khác, nó cũng góp phần đẩy sự phân biệt đẳng cấp xã hội của thời kỳ Balamôn giáo trở nên ngày càng khắc nghiệt.

Balamôn giáo phân xã hội theo chế độ luật chủng tính (*varṇa*) thành thứ tự 4 *hạng người*: Đẳng cấp có vị trí cao nhất là Balamôn (Brahmin), vì là đẳng cấp thần thánh, sinh ra từ miệng Phạm Thiên (Brahma) và có thể thay Phạm Thiên lãnh đạo tinh thần dân tộc Ấn Độ, nên họ được quyền ưu tiên và được tôn kính nhất. Họ có thể trở thành giáo sĩ làm nghề tế tự, giữ quyền thống trị tinh thần, phụ trách mọi lễ nghi, cúng bái; Sát Đế Li (Kshatriya) là hàng vua chúa, quý tộc, sinh từ cánh tay của Phạm Thiên, nên thay mặt Phạm Thiên nắm giữ quyền hành thống trị xã hội; Vệ Xá (Vaisya) vì sinh ra từ bắp đùi của Phạm Thiên nên đảm đương về kinh tế (buôn bán), sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công); Thủ Đà La (Sudra) vì sinh ra từ gót chân của Phạm Thiên, nên đời đời kiếp kiếp làm nô lệ cho các giai cấp trên; Ngoài ra, còn có đẳng cấp Chiên Đà La (Pariah) là con lai của đẳng cấp thứ tư với các đẳng cấp trên, song bị gạt ra ngoài lề xã hội, và bị các đẳng cấp khác đối xử như thú vật, vô cùng khổ nhục¹¹.

Balamôn giáo góp phần hoàn thiện thêm quan niệm đời người với 4 mục đích quan trọng: Dharma (hoàn thành các nghĩa vụ luân lý, luật pháp và tôn giáo); Artha (mưu sinh và thành đạt trong xã hội); Kama (thỏa mãn các ham muốn (dục vọng) nhưng biết tiết chế và điều độ); Moksa (giải thoát khỏi vòng luân hồi) bằng cách giải trừ hết các nghiệp (karma) vì khi chết mà vẫn còn nghiệp thì phải chịu tái sinh vào kiếp sau ở thế gian, tức là luân hồi (samsara)¹². Theo đó Balamôn giáo chia trách nhiệm và nghĩa vụ đời người thành 4 giai đoạn (ashramas): Môn sinh (brahmacharya) khoảng 8-12 tuổi phải tập trung học đạo và phục vụ vị thầy tâm linh (guru) của mình; Trưởng giả (grhastha) sau khi lập gia đình, phải có trách nhiệm gây dựng gia sản, sinh con nối dõi, thực hiện các nhiệm vụ xã hội và tôn giáo như bố thí, các lễ nghi tôn giáo...; Ẩn sĩ (vanaprastha) khi đã có tóc bạc và có cháu nối dõi thì rút lui khỏi cuộc sống tât bật, tập trung chuẩn bị cho bản thân vào giai đoạn giải thoát; Tu khổ hạnh để rũ bỏ hết dục vọng, quay trở về làm trong sạch Bản ngã để tìm kiếm Giải thoát (Moksa)¹³.

Balamôn giáo cũng góp phần hoàn thiện một số chuẩn mực đạo đức và nhân phẩm như: Ghi nhớ 3 trọng ân (ơn đấng Phạm Thiên, ơn thầy, ơn tổ tiên); Cân bằng 3 phương diện: phụng sự (karmamarga), trí tuệ/minh triết (jnanamarga), sùng tín (bhaktimarga). Đó cũng là cách để bảo vệ vị thế cao

nhất của đẳng cấp Bàlamôn. Từ đó, giáo lý Bàlamôn được cụ thể hóa thành 10 giới răn (chuẩn mực đạo đức): không sát sinh (ahimsa); không nói dối (satya); không trộm cắp (asteya); biết kiềm chế dục vọng và ham muốn (brahmacharya); không tham lam (aparigraha); sạch sẽ, tinh khiết (saucha); biết bằng lòng (santosha); kỷ luật với bản thân (tapas); phải học tập (svadhyaya); vâng phục mệnh trời (ishvara pranidhana).

Về nghi lễ tôn giáo, kế thừa từ Veda giáo, Bàlamôn giáo cũng tiếp tục nhiều thánh lễ, mà sau đó Hindu giáo cũng tiếp tục duy trì đến nay. Một số thánh lễ chính như: Lễ Mahashivarati (giữa tháng 2) tôn thờ thần Shiva; Lễ Holi (trong mùa xuân) là lễ hội màu sắc; Lễ Ramnavami (cuối tháng 3) kỷ niệm ngày sinh của thần Ram; Loạt lễ Navaratri, Dussehra, và Durga Puja (10 ngày liên tục trong đầu tháng 11), vừa tôn vinh nữ thần Navaratri, vừa kỷ niệm chúa Rama chiến thắng quỷ Ravana, đồng thời kỷ niệm chiến thắng của nữ thần Durga đối với trâu quỷ Mahishasura; Lễ Diwali (giữa tháng 11) là lễ ánh sáng với nến đèn, đốt pháo trong 3 giờ liền để kỷ niệm thời khắc chúa Ram đưa vợ là nàng Sita trở về. Đến nay, nhiều nghi lễ này vẫn được Hindu giáo duy trì với tư cách là bản sắc văn hóa, tôn giáo của người Hindu.

Về mặt kinh điển, tuy vẫn đặt *Kinh Veda* lên trên hết (như đã nói ở trên), song giai đoạn Bàlamôn giáo phát triển nhiều hơn về thần học và triết học. Tín đồ Hindu giáo tin rằng thánh điển *Veda* không phải do con người sáng tác ra mà được khai thị cho các bậc hiền triết Bàlamôn rồi được truyền miệng qua các đời cho đến ngày nay. Các kinh điển được hoàn thiện trong thời kỳ này như:

Kinh Phạm Thư (Brahmana) được viết bằng văn xuôi, khi hệ thống 4 giai cấp trong xã hội Ấn Độ đã định hình và giai cấp Bàlamôn cũng đã khẳng định được vị trí tối cao trong xã hội. *Kinh Phạm Thư* mang tính thần học cao, chủ yếu giải thích ý nghĩa sự linh thiêng trong các nghi lễ khác nhau, sắp xếp các chức năng cúng tế khác nhau cho các tầng lớp tăng lữ, quy định những nghi lễ và những hệ thống biểu tượng tâm linh. Đây là giai đoạn phát triển cao của Bàlamôn giáo nên Kinh này (cũng như trong *luật Manu*) khẳng định rõ tầng lữ Bàlamôn có đặc quyền làm tế tự.

Kinh Sân Lâm thư (Aryanka) được phát triển tiếp tục từ kinh *Phạm Thư*, song đặc biệt chỉ dành cho những vị đạo sĩ Bàlamôn tu kín trong rừng sâu. Thay thế cho các kỹ thuật tế lễ, nội dung của *Sân Lâm Thư* chú trọng các kỹ thuật tập trung thiền định vào những biểu tượng tâm linh

siêu việt. Các nghi thức tế lễ rườm rà dần được thay thế bởi các vấn đề suy nghiệm và tư duy triết học. Có lẽ *Sâm Lâm thư* là giai đoạn chuẩn bị cho sự ra đời *Áo nghĩa thư* (*Upanishads*) với nội dung tập trung vào triết học Hindu giáo nói riêng và của Ấn Độ nói chung¹⁴.

Kinh Áo Nghĩa Thư (*Upanishad*) thực chất là tập hợp những bộ luận do giáo sĩ Bàlamôn triển khai các tư tưởng có trong kinh *Veda* trên phương diện thần học và mang tính triết học cao, như là phần cuối của *Veda*. Nhưng *Upanishad* được thực hiện trong một thời gian rất dài, bởi nhiều tác giả và đều không còn rõ danh tính. *Upanishad* là sự phát triển tiếp tục *Veda*, nó là phần kết của *Veda* và được coi là nền tảng cơ bản cho trường phái *Vedanta*. Tổng số có hơn 200 *Upanishads*, nhưng theo truyền thống người Ấn Độ nói là có 108 *Upanishads*. Trong đó có 10 cho đến 13 *Upanishads* cơ bản như: *Isa*, *Kena*, *Katha*, *Prasna*, *Mundaka*, *Mandukya*, *Taittiriya*, *Aitareya*, *Chandogya* và *Brhadaranyaka*¹⁵. Đây là những tác phẩm có nội dung thần học và triết học uyên thâm, thể hiện xu hướng nhất nguyên của Bàlamôn giáo.

Đáng chú ý, sự chuyển đổi ở các kinh đã phản ánh sự chuyển biến về tôn giáo và triết học từ giai đoạn *Veda* giáo sang Bàlamôn giáo. Kinh *Veda* chú trọng về nghi thức thờ phụng, nhưng sang giai đoạn Bàlamôn giáo, kinh *Upanishad* đi sâu hơn vào những vấn đề về Tự ngã (Atman hay gọi là Tiểu ngã, Linh hồn bất diệt) và mối liên hệ của chúng với bản thể Tuyệt đối (Brahma, còn gọi là đẳng Phạm Thiên hay Đại Ngã) của vũ trụ vạn vật từ góc độ thần học và có xu hướng thiên về nhất thần luận. Ngay trong *Upanishad* cũng phần nào phản ánh điều này, những *Upanishad* cổ nhất, có lẽ được biên soạn vào khoảng thế kỷ 18 - 17 TCN¹⁶, cũng khác các *Upanishad* muộn hơn.

Upanishad cho rằng con người, cũng như mọi chúng sinh đều có một Tự ngã (Atman) bất sinh, bất diệt, thường tịnh. Nó đồng về chất với bản thể tuyệt đối (Brahman). Khi Tự ngã của chúng sinh chưa hòa nhập với bản thể tuyệt đối, thì con người vẫn còn phải luân hồi trong vòng sinh tử. Giải thoát là một trạng thái Atman đạt được sự hòa đồng với bản thể tuyệt đối (Brahman) hằng hữu vĩnh cửu.

Kinh điển Bàlamôn giáo còn là hệ thống lý luận đầu tiên chứng minh cho sự hợp lý của tình trạng bất bình đẳng giai cấp bằng mô hình xã hội thần quyền, mà trong đó giới Bàlamôn được coi là đẳng cấp thần thánh, có vị trí cao nhất trong xã hội. Đó là công cụ tinh thần bảo vệ chế độ đẳng cấp của giai cấp thống trị Bàlamôn lúc đó.

3. Giai đoạn Hindu giáo (Hinduism)

Hindu giáo bắt đầu khoảng thế kỷ 6 - 7, cũng là khi Phật giáo bắt đầu suy tàn tại Ấn Độ, và phát triển đến nay. Hindu giáo là sự tiếp nối từ Veda giáo và Balamôn giáo, song theo khuynh hướng dân tộc hóa, biến tôn giáo này thành tôn giáo của người Ấn Độ, của tất cả người Hindu. Ở giai đoạn này, xu hướng thờ thần Brahman đã nhường bước cho xu hướng thờ Tam vị nhất thể (Brahma, Vishnu và Shiva). Ngày nay, ở toàn Ấn Độ chỉ có duy nhất còn một đền thờ dành riêng thờ Phạm Thiên. Giữa Balamôn giáo và Hindu giáo có nhiều điểm kế thừa và chia sẻ:

Về thiết chế tôn giáo - xã hội: Hindu giáo tiếp tục duy trì sự phân chia xã hội thành 4 đẳng cấp, song không còn gay gắt mang tính thần quyền như thời kỳ Balamôn giáo.

Về kinh điển: Hindu giáo là sự kế thừa liên tục từ kinh sách của Veda giáo và Balamôn giáo. Kinh điển Hindu giáo vẫn gồm *Veda - Upanishad*, song có thêm các bộ luận (*Sastra*). Cho nên, hầu như không có tài liệu nào nói về kinh sách của Hindu giáo một cách rõ ràng, có lẽ vì đó là sự tiếp tục các tập hợp kinh sách đã có từ các thời kỳ trước. Người Ấn Độ chia hệ thống kinh điển phong phú của Hindu giáo thành hai loại chính là *Shruti* (được mặc khải) và *Smriti* (được thuộc lòng).

Shruti gồm: Kinh *Veda* (còn gọi *Thánh điển Veda* hay *Bản tập Veda* (tức Samhitā)); Kinh *Phạm Thư* (*Brahmana*) là cảm nang lễ nghi, luận giải Kinh *Veda*; Kinh *Sân lâm thư* (*Aryanka*); Kinh *Áo nghĩa thư* (*Upanishad*), tức các luận giải thần học và triết học về Kinh *Veda*.

Smriti gồm: Các thiên anh hùng ca (*Hindu epics*) của Hindu giáo như: *Ramayana*, *Mahabharata*, *Bhagavad Gita*¹⁷; Chuyện cổ tích và thần thoại (*Puranas*¹⁸). Đó là các truyền thuyết kể về thần thánh, (đặc biệt dành cho những người thờ thần Brahma, Shiva, và Vishnu) và về các hóa thân vô hạn của các thần, mô tả hoạt động của các thần, bao gồm cả chuyện tái sinh; Các luận giải về kinh sách gốc (*dharmaśāstra*), về giáo luật gốc (*Sastras*) bàn nhiều về nguồn gốc thế giới, quy định về trật tự đẳng cấp xã hội, trách nhiệm đạo đức, về sự giải thoát của Hindu giáo.

Về giáo lý: Hindu giáo cho rằng mọi người đều bị ràng buộc bởi luân hồi (samsara) do nghiệp (karma) theo quy luật nhân - quả mà khởi đầu là do dục vọng dẫn dắt. Cách duy nhất để thoát khỏi chu kỳ này là Atman phải kết hợp được với Brahman, đồng thời gỡ bỏ mọi ham muốn. Để đạt điều này con người có thể tu luyện theo phép Yoga huyền bí, theo đuổi

con đường tu khổ hạnh từ bỏ thế giới và đạt tới giải thoát. Khi còn bị ràng buộc bởi nghiệp thì con người không thể nhận biết được bản ngã (Atman) đích thực của mình cũng như Bản ngã Tuyệt đối (Brahman).

Các phạm trù chủ đạo của Hindu giáo gồm *Dharma* (Pháp, nguyên lý đạo đức và chức phận), *Samsara* (Luân hồi, sống, chết và tái sinh), *Karma* (Nghiệp, hành động tạo tác và kết quả của hành động tạo tác), *Moksha* (Giải thoát khỏi luân hồi), và *Yoga* (các phương pháp tu tập). Cho đến nay, nhiều nghi thức quy định trong kinh *Phạm Thư* (*Brahma*), cả lời các bài kệ tụng cách đây 2.000, 3.000 năm vẫn được tín đồ Hindu giáo giữ nguyên.

Về biểu tượng thờ cúng, Hindu giáo tiếp tục xu hướng thờ đa thần với các thần linh truyền thống, cùng nhiều vị thần trong tín ngưỡng dân gian (thần tự nhiên (thần cây, thần đá, thần lửa), thần nông, thần ca múa, thần chữa bệnh...) kèm theo nhiều nghi thức cúng tế xa xỉ có từ thời Balamôn giáo. Ngoài ra, Hindu giáo còn duy trì hình thức sùng bái một số loài vật (khỉ, bò, voi, rắn...) luôn đi cùng các vị thần.

Tuy nhiên, thờ thần Brahma như vị thần chủ có giảm, song sự sùng bái đối với các thần khác lại rất phổ biến trong tín đồ Hindu giáo. Hindu giáo cũng được phân thành hai phái, thờ thần Vishnu và thần Shiva, tuy sự phân phái này đã manh nha từ thời kỳ Balamôn giáo. *Phái thờ thần Vishnu* được gọi là “Vaishnava” tôn sùng thần là Đấng sáng tạo. Vishnu được mô tả với bốn cánh tay, nhiều đầu và nhiều pháp khí (ốc tù và, tràng hạt và hoa sen), hay với tay phải làm dấu abhaya mudra, tức không kinh sợ, nên còn được gọi là “thần tay phải”. Thần Vishnu còn là hiện thân cho nữ tính và khả năng sinh sản. Thần có nhiều hóa thân (avatars) có vai trò giữ đạo đức và văn minh của nhân loại. Trong *Ramayana*, thần Vishnu hiện thân làm vợ của Nara, còn trong *Chí Tôn Ca* (*Bhagavad Gita*) thần giảng làm đấng Krisna giảng về triết lý sống vĩ đại cho Arjuna trước trận chiến. Hình tượng phối ngẫu thường xuyên với thần Vishnu là nữ thần may mắn Lakshmi hoặc cưỡi chim thần Garuda. Đối thủ chính của Vishnu là thần Chết (Yama) và lũ ác quỷ.

Phái thờ thần Shiva tôn sùng thần như Đấng Tối cao, là hiện thân của sáng tạo, cân bằng và cả hủy diệt. Thần được tôn sùng như sự vô hạn, siêu việt, bất biến và vô tướng vô hình. Bởi vì thần có rất nhiều hình tướng lúc nhân từ, lúc gây kinh sợ. Chẳng hạn, trong biểu hiện nhân từ của thần là một Yogi toàn trí sống khổ hạnh trên núi Kailash..., trong biểu hiện kinh sợ, thần là ác thần hay chém giết. Thần Shiva còn được tôn

sùng như thần bảo trợ của Yoga và nghệ thuật. Thần Shiva có hình tượng với con mắt thứ ba trên trán; rắn Vasuki quanh cổ; trắng lưỡi liềm trên đầu; dòng sông thánh Ganga (sông Hằng) chảy theo từ búi tóc; pháp khí Trishula (đỉnh ba), và nhạc cụ damaru (trống lắc). Tín đồ Hindu giáo còn thờ cúng thần dưới hình thức Linga - Yoni, hay hình tượng đạo sĩ đang thiền định, hoặc thần đang múa điệu Tandava trên quỹ Maya.

Tuy nhiên, Hindu giáo cũng có một số điểm phát triển mới tương đối khác so với Bàlamôn giáo như:

Về biểu tượng thần thánh: Hindu giáo có bổ sung và điều chỉnh khá nhiều song hệ thống hơn. Chẳng hạn, tuy vẫn thờ 3 vị thần (Tam vị nhất thể), song các vị thần được bổ sung thêm và trật tự các thần cũng có chút đảo lộn. Thần Brahma có phần bị hạ thấp so với giai đoạn Bàlamôn giáo, nhưng thần Vishnu lại được đề cao hơn. Hình tượng nhận dạng các thần cũng có thay đổi nhưng đều nhằm làm tăng tính thần thánh, siêu phàm và hoàn hảo. Ví dụ, biểu tượng thần nhiều tay, nhiều mặt, nhiều đầu, nhiều pháp khí càng được tận dụng (thần Brahma có 4 đầu để nhìn thấu mọi nơi; thần Shiva có mắt thứ 3 ở trán, hay thờ cúng biểu tượng Linga và Yoni của thần Shiva để tôn vinh quyền năng sinh sản vô tận. Các phả hệ thần thánh cũng được mở rộng (gia đình thần Shiva gồm có vợ là thần Kali và con trai là thần Ganesha). Ngoài ra, nghệ thuật tạo hình các thần cũng đa dạng hơn, hàm ý tôn giáo nhiều hơn. Chẳng hạn, hình tượng nữ thần Kali, vợ của thần Shiva có bộ mặt đe dọa (mặt đen, miệng há rộng, lưỡi thè ra ngoài...); thần Ganesha thông tuệ và phúc hậu, nhưng đầu voi...

Hindu giáo cũng đã thêm nhiều quy định về chuẩn mực, hình phạt, lễ hội, nghi thức tế lễ tỉ mỉ hơn, như: thêm luật kiêng ăn thịt bò, dùng đồ bằng da bò; tín đồ Vishnu vẽ son lên trán còn tín đồ Shiva thì bôi than phân bò ngang trên trán hay đeo biểu tượng linga ở cổ tay; khi tế lễ có thêm nghi thức xức dầu thơm, nước hoa cho các tượng thần...

Điều đặc biệt ghi dấu ấn sự chấn hưng của Bàlamôn giáo và sự chuyển đổi thành Hindu giáo bằng cách tiếp thu thêm Phật giáo, đó là truyền thuyết cho rằng thần Vishnu đã giáng trần 9 lần và lần cuối cùng là với hình hài đức Phật. Đây cũng là cách mà Hindu giáo đã thu hút được cả tín đồ Phật giáo và liên tục củng cố sức mạnh tín ngưỡng tôn giáo và khắc phục những hạn chế để trở thành một tôn giáo mạnh nhất ở Ấn Độ./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Gavin Flood (1998), *An Introduction to Hinduism*, Cambridge University Press, Foundation Books, New Delhi: 21.
- 2 Niên đại của Veda giáo có tính ước đoán dựa trên những chuẩn định khác nhau về tộc người cổ, hay ngôn ngữ cổ, hay biểu tượng, lễ nghi tôn giáo cổ của người Ấn Độ nên không thống nhất, và có độ chênh lệch rất lớn. Tham khảo: Gavin Flood (1998), Sđd: 20 - 21.
- 3 Ban đầu *Rig Veda* chỉ được lưu giữ bằng truyền khẩu, về sau nó mới được sưu tập và biên soạn thành văn bản.
- 4 Stephanie Jamison & Joel Brereton (2014), *The Rigveda: The Earliest Religious Poetry of India*, Oxford University Press: 4, 7 - 9.
- 5 Gavin Flood (1998), Sđd: 21.
- 6 Có nghiên cứu kinh Upanishad, cho thấy lúc đầu kinh cho rằng Sát Đê Lợi là đẳng cấp cao nhất vì được sinh ra trước tiên, và tại buổi lễ tế các Balamôn phải ngồi phía dưới các Sát Đê Lợi. Nhưng về sau Upanishad có sự chỉnh sửa: “Chính Balamôn là nguồn gốc của Sát Đê Lợi. Do đó, cho dù vua có quyền uy tối cao, song vẫn phụ thuộc vào Balamôn như là nguồn gốc của mình. Vì vậy, bất cứ người nào làm tổn hại Balamôn là đang tấn công chính nguồn gốc của người ấy. Vì ấy chịu sự tổn hại tương xứng khi vị ấy làm hại người tốt hơn”. (Brihad-Āraṇyaka Upanishad 1.4.10)[Tham khảo: The Thirteen Principal Upanishads (1921). Người dịch: R. E. Hume. Oxford: Oxford University Press: 38; A. B. Keith (1925), *The Religion and Philosophy of Veda and Upanishads*, London: Oxford University Press: 585.
- 7 Gavin Flood (1998), Sđd: 44.
- 8 Gavin Flood (1998), Sđd: 44.
- 9 Luật Rita là đạo trời, thiên lý, trật tự điều hành vũ trụ trong quan niệm của người Ấn Độ.
- 10 Gavin Flood (1998), Sđd: 21.
- 11 Có tài liệu còn ghi rằng ba đẳng cấp đầu có thể tái sinh, còn hai đẳng cấp dưới cùng không được quyền tái sinh.
- 12 C. Scott Littleton (2003), Sđd: 45.
- 13 C. Scott Littleton (2003), Sđd: 40 - 42.
- 14 Tham khảo S. Radhakrishnan (2009), *Indian Philosophy* (Vol. 1), second edition, Oxford India Paperbacks; Hà Thúc Minh (2002), *Triết học phương Đông - triết học Ấn Độ*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 32 - 45.
- 15 *A Source Book in Indian Philosophy* (1989), Edited by Sarvepalli Radhakrishnan & Charles A. Moore. Princeton, New Jersey - Princeton University Press. USA: 37. Chú ý thêm: các *Upanishad* thuộc về *Shruti*.
- 16 *A Source Book in Indian Philosophy* (1989): 37.
- 17 *Rāmāyana* là thiên anh hùng ca về chiến công của thái tử Rāma chiến thắng vua quỷ Rāvana, dành lại công chúa Sītā; *Mahābhārata* là thiên anh hùng ca về cuộc chiến tranh giành ngai vua giữa hai dòng hoàng tộc; *Chí tôn ca (Bhagavad Gītā)* là thiên anh hùng ca về cuộc đàm đạo giữa thần Kṛṣṇa với Arjuna trước đêm xảy ra cuộc chiến tranh giành ngai vàng về nghĩa vụ, sứ mệnh cuộc đời và chiến tranh...
- 18 Các Puranas có nội dung như: Giới thiệu tiêu sử các thần và vũ trụ; Ca tụng các thần. Khó xác định niên đại của Purāṇa. Có nhiều Purāṇas, nổi tiếng nhất là Bhāgavata Purāṇa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sarvepalli Radhakrishnan & Charles A. Moore (ed., 1989), *A Source Book in Indian Philosophy*, Princeton, New Jersey - Princeton University Press, USA.
2. Axel Michaels (2004), *Hinduism - Past and Present*, Translated by Barbara Harshav, Princeton University Press, Princeton and Oxford.
3. “Các vị thần trong tôn giáo của nền văn minh Ấn Độ (kỳ 1)”, *Báo sinh viên Đại học An Giang*, đăng ngày 15/11/2015.
4. Gavin Flood (1998), *An Introduction to Hinduism*, Cambridge University Press. Foundation Books, New Delhi.
5. Hồng Hải, Thủy Chung, “Biểu tượng Makara trong văn hóa Ấn Độ” trong *Cục Mỹ thuật Nhiếp ảnh và Triển lãm* và ape.gov.vn/bieu-tuong-makara-trong-van-hoa-an-do, ngày 20/01/2015.
6. A. B. Keith (1925), *The Religion and Philosophy of Veda and Upanishads*, London: Oxford University Press.
7. “Lễ hội cầu mưa-Varuna Vajna-Vietnam Vacations” trên *Vietnam-vacations.com.vn*.
8. C. Scott Littleton (2003), *Trí tuệ phương Đông*, Người dịch: Trần Văn Huân. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Hà Thúc Minh (2002), *Triết học phương Đông-Triết học Ấn Độ*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
10. S. Radhakrishnan (2009), *Indian Philosophy* (vol 1), second edition, Oxford India Paperbacks.
11. Stephanie Jamison & Joel Brereton (2014), *The Rigveda: The Earliest Religious Poetry of India*, Oxford University Press.
12. *Textual Sources for the Studies of Hinduism* (1988), bản dịch Wendy Doniger O'Flaherty, Manchester: Manchester University Press.
13. *The Thirteen Principal Upanishads* (1921), Người dịch: R. E. Hume, Oxford: Oxford University Press.

Abstract**THE DEVELOPMENT STAGES OF HINDUISM**

There are many ways to make a chronology of the Hinduism's history and its development. One of which is the division of its history into three stages, namely Vedic religion, Brahmanism and Hinduism. This way of making chronology helps clarifying the continuity, innovation, and terminology (confusion of three names into one) of the same religion for the various purposes of theocracy, classification, or building ethnicity in different historical periods.

Keywords: Vedic religion, Brahmanism and Hinduism, Indian religion.